

**Câu 1 (2.5 điểm)**

Atlas Địa lí Việt Nam là gì? Nêu cách sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.

**Câu 2 (3.0 điểm)**

*Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam:*

a. Trình bày về qui mô và cơ cấu ngành của các trung tâm công nghiệp chủ yếu ở vùng Đông Nam Bộ.

b. Kể tên và nơi phân bố của các cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên.

**Câu 3 (4.5 điểm)**

Cho bảng số liệu sau :

**Dân số và diện tích phân theo vùng nước ta, năm 2008.**

Vùng	Dân số trung bình (nghìn người)	Diện tích (km <sup>2</sup> )
ĐBSH	18545,2	14962,5
TDMNBB	12317,4	101445,0
DHMT	19820,2	95894,8
Tây Nguyên	5004,2	54640,3
ĐNB	12828,8	23605,5
ĐBSCL	17695,0	40602,3

a. Tính mật độ dân số trung bình của các vùng.

b. Vẽ biểu đồ thể hiện mật độ dân số phân theo vùng nước ta, năm 2008.

c. Nhận xét và giải thích về sự phân bố dân cư ở nước ta.

—Hết—

*Thí sinh không được sử dụng tài liệu để làm bài .*

*Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm !*

Họ tên thí sinh.....SBD.....

Câu	Nội dung	Thang điểm													
1	<b>Khái niệm Atlat Địa lí Việt Nam</b> Atlat địa lí việt nam là một hệ thống hoàn chỉnh các bản đồ có nội dung liên quan hữu cơ với nhau và bổ sung cho nhau, được sắp xếp theo trình tự của chương trình và nội dung SGK với ba phần chính: địa lí tự nhiên, địa lí kinh tế xã hội và địa lí các vùng.	<b>1.25</b>													
	<b>Cách sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam</b>	<b>1.25</b>													
	Nắm chắc các ký hiệu trang 3	0.25													
	Nắm vững các ước hiệu của bản đồ chuyên ngành	0.25													
	Biết khai thác biểu đồ từng ngành	0.25													
	Biết rõ câu hỏi như thế nào có thể sử dụng atlat	0.25													
	Biết sử dụng đủ Atlat cho một câu hỏi	0.25													
2	<b>Trình bày về qui mô và cơ cấu ngành của các trung tâm công nghiệp chủ yếu ở vùng Đông Nam Bộ</b>	<b>1.5</b>													
	- Thành phố Hồ Chí Minh: trung tâm công nghiệp lớn nhất nước, qui mô hơn 120 nghìn tỉ đồng, cơ cấu ngành công nghiệp gồm: cơ khí, luyện kim, điện tử, hoá chất, sản xuất hàng tiêu dùng, hóa dầu, tin học....	0.5													
	- Biên Hoà: trung tâm công nghiệp lớn, qui mô từ 40- 120 nghìn tỉ đồng, cơ cấu ngành: Cơ khí, điện tử, hoá chất, dệt...	0.5													
	- Vũng Tàu: trung tâm công nghiệp lớn, qui mô từ 40-120 nghìn tỉ đồng, cơ cấu ngành: Cơ khí, dầu khí, nhiệt điện, đóng tàu...	0.25													
	- Thủ Dầu Một: trung bình, qui mô từ 40-120 nghìn tỉ đồng, cơ cấu ngành: Cơ khí, điện tử, hoá chất...	0.25													
	<b>Kể tên và nơi phân bố của các cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên.</b>	<b>1.5</b>													
	- Cao su: Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum	0.5													
	- Hồ tiêu: Đắk Lắk, Gia Lai	0.5													
- Chè: Lâm Đồng, Gia Lai	0.5														
3	<b>Tính mật độ dân số trung bình của các vùng.</b>	<b>1.0</b>													
	<table><tr><td>Vùng</td><td>ĐBSH</td><td>TĐMNBB</td><td>DHMT</td><td>Tây Nguyên</td><td>ĐNB</td><td>ĐBSCL</td></tr><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>	Vùng	ĐBSH	TĐMNBB	DHMT	Tây Nguyên	ĐNB	ĐBSCL							
Vùng	ĐBSH	TĐMNBB	DHMT	Tây Nguyên	ĐNB	ĐBSCL									

MĐDS	1239.4	121.4	206.7	91.6	543.5	435.8	
<b>Vẽ biểu đồ:</b>							<b>2.0</b>
- Yêu cầu vẽ biểu cột, đầy đủ, đẹp, chính xác.							
<b>Nhận xét</b>							<b>0,75</b>
Dân cư ở nước ta phân bố không đều							0.25
- Vùng đông dân(dc)							0.25
- Vùng thưa dân(dc)							0.25
<b>Nguyên nhân:</b>							<b>0,75</b>
- Giữa các vùng có sự khác nhau về							0.25
+ Điều kiện tự nhiên: địa hình, khí hậu, sông ngòi, khoáng sản, đất,....							0.25
+ Điều kiện kinh tế xã hội: như sự phát triển công nghiệp, giao thông vận tải,...							0.25
+ Lịch sử của quá trình định cư.							
<b>Thang điểm làm tròn = 10.0 điểm</b>							

.....Hết.....